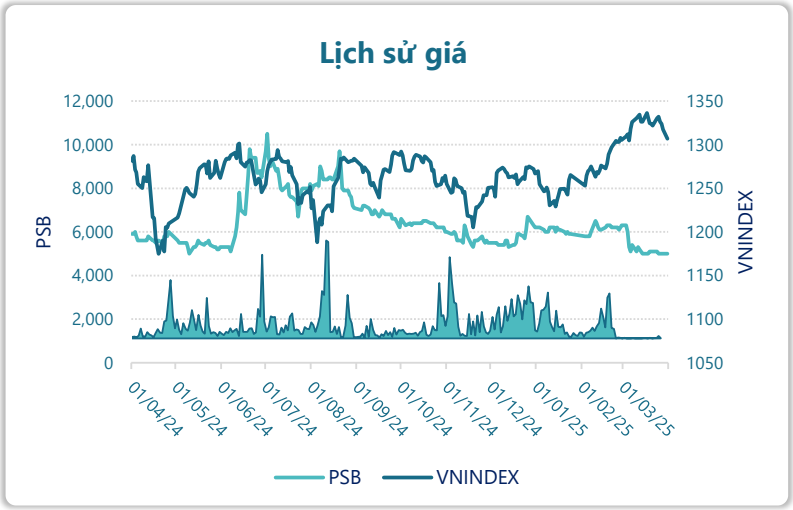
FireAnt

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	179,450
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	395.9
EPS	13

DT thuần

Q1/25

59.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.4| 185%

YoY: ▲ 21.8| 58.4%

LN sau thuế

Q1/25

0.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.32| 117%

YoY: ▼0.11| -25.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.4%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

2024

115

tỷ VNĐ

YoY: ▼46.0| -28.4%

LN sau thuế

2024

0.76

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.87| -83.5%

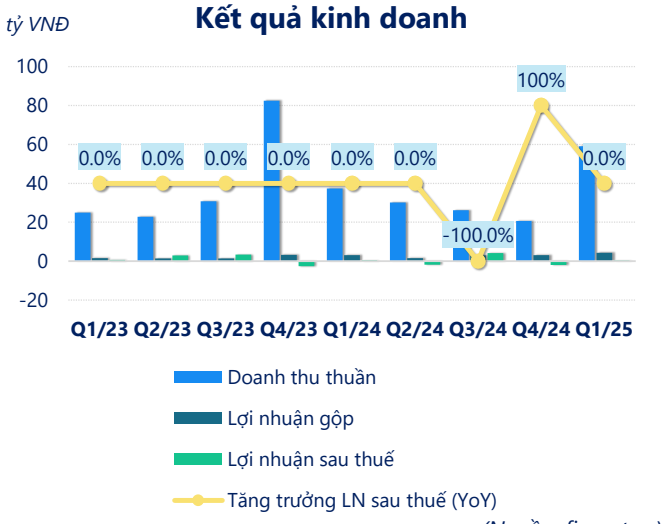
ROE

2024

0.1%

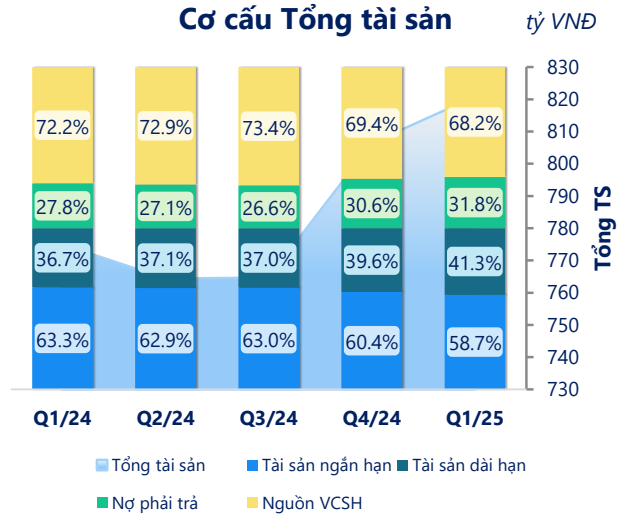
+/- YoY: ▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh



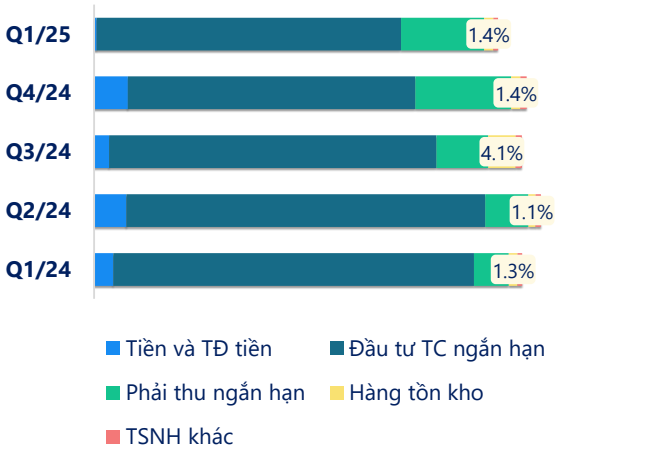
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



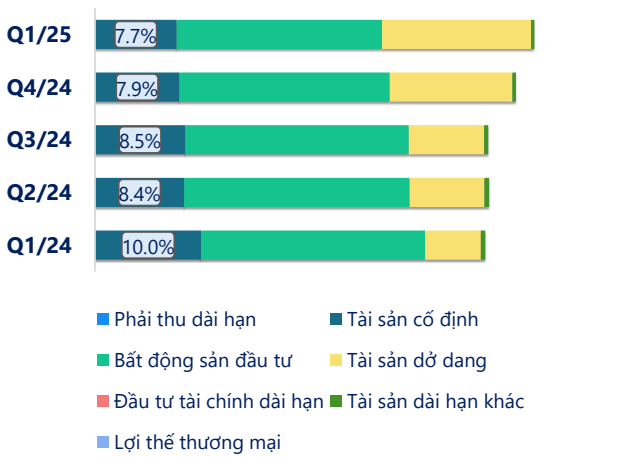
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



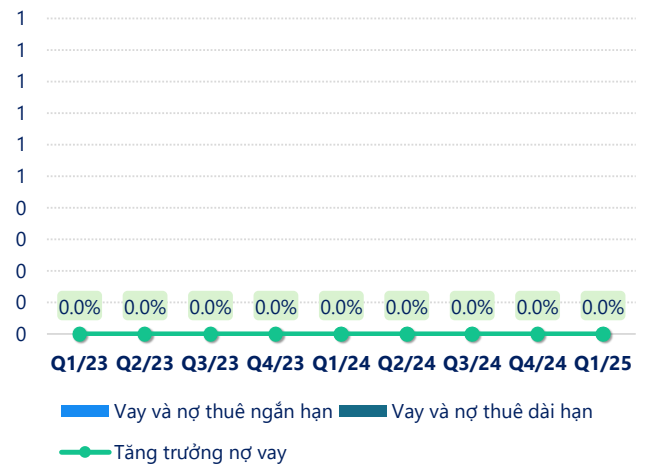
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



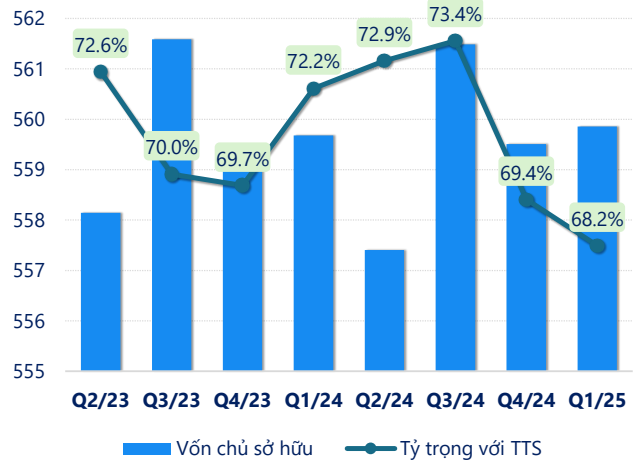
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



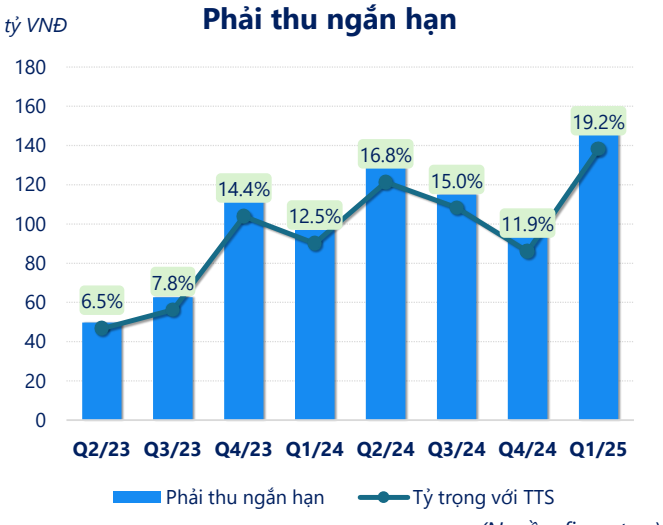
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



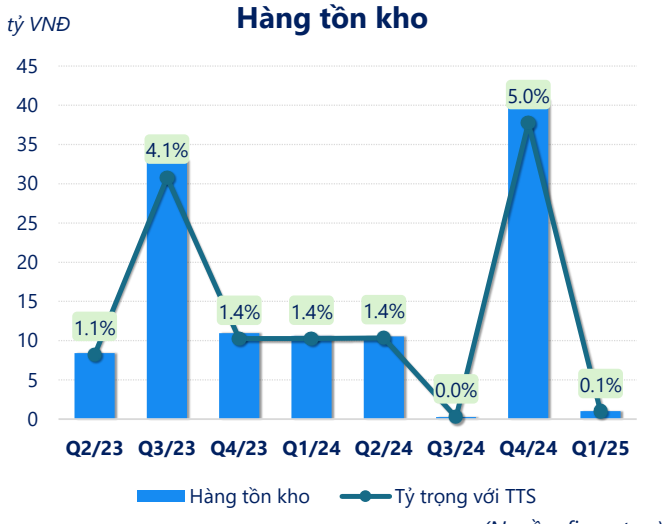
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



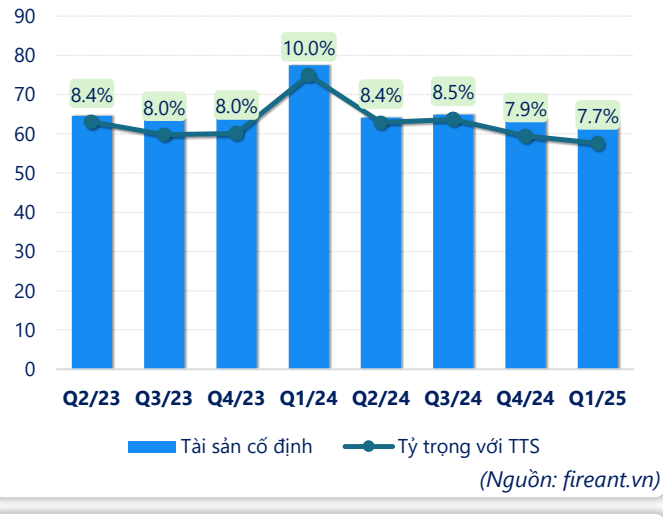
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



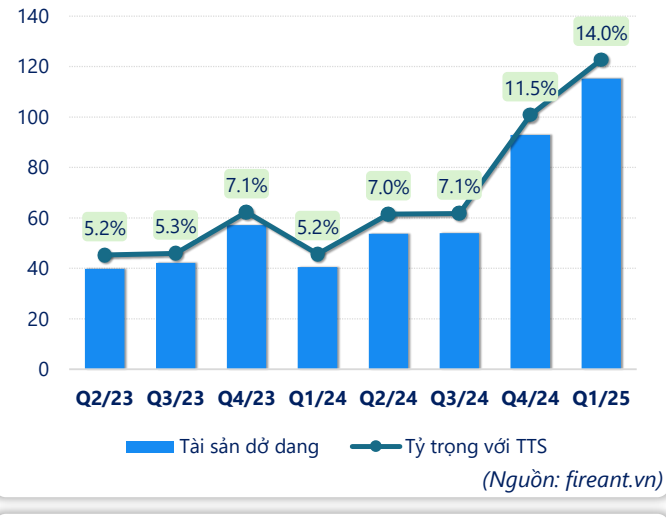
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



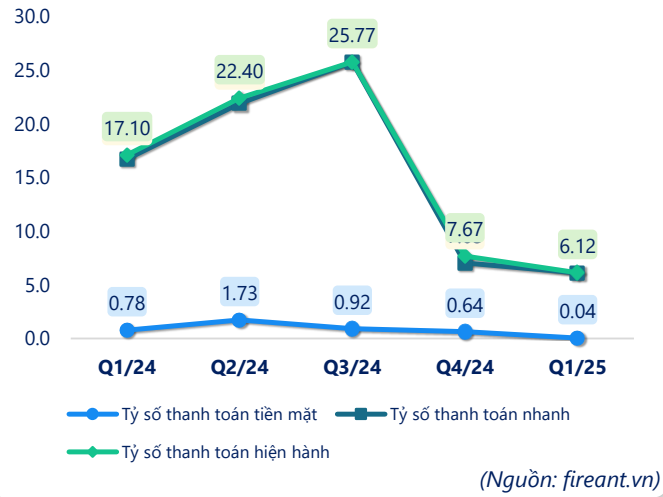
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



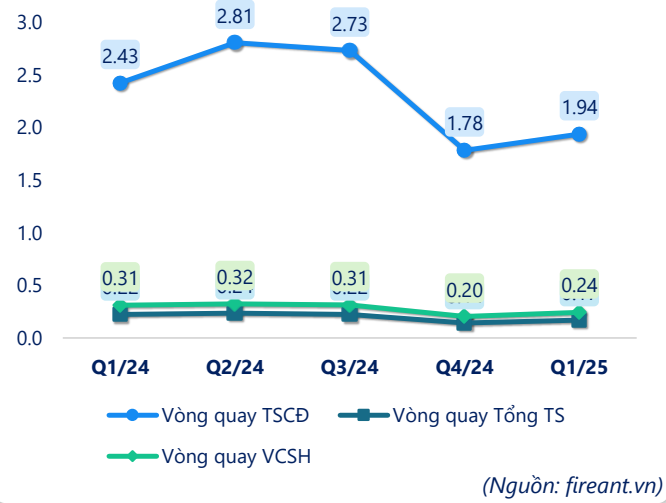
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**775**	**764**	**765**	**806**	**821**
Tài sản ngắn hạn	**490**	**481**	**482**	**487**	**482**
Tiền và tương đương tiền	22.4	37.1	17.2	40.8	3.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	355	300	347	307	316
Phải thu ngắn hạn	97.0	129	115	96.3	158
Hàng tồn kho	10.6	10.5	0.24	40.6	1.01
Tài sản ngắn hạn khác	5.45	4.57	2.41	2.44	4.52
Tài sản dài hạn	**285**	**283**	**283**	**319**	**339**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản cố định	77.4	64.1	64.9	63.9	63.0
Bất động sản đầu tư	163	162	161	160	158
Tài sản dở dang	40.5	53.7	54.0	92.9	115
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.38	3.54	3.13	2.80	2.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**215**	**207**	**203**	**247**	**261**
Nợ ngắn hạn	**28.7**	**21.5**	**18.7**	**63.5**	**78.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.9	5.15	0.56	4.50	54.7
Nợ dài hạn	187	186	184	183	182
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**560**	**557**	**561**	**560**	**560**
Vốn chủ sở hữu	**560**	**557**	**561**	**560**	**560**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)